

Số: 172 /BC-UBND

Bình Định, ngày 20 tháng 09 năm 2023

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định Quý III năm 2023

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Quý III năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá về công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong 3 tháng cuối năm, tạo sự thúc đẩy các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong Quý III, Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy về “Cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2020 – 2025” (gọi tắt là Chương trình hành động số 09) đã tổ chức Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ đánh giá kết quả triển khai thực hiện trong 3 năm (2021 – 2023) và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới. Những kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp được nâng lên, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để phát huy nội lực, thu hút tốt nguồn lực bên ngoài, góp phần thực hiện thắng lợi và hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh¹. Trên cơ sở nội dung cuộc họp, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo đã ký Thông báo số 07-TB/BCĐ ngày 12/9/2023 về ý kiến kết luận tại Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ của Ban Chỉ đạo Chương trình hành động số 09, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện 10 nhiệm vụ trọng tâm² để tiếp tục triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình hành động số 09 của Tỉnh ủy đề ra.

Với phương châm trong cải cách hành chính “Sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo chuẩn mực đối với chất lượng phục vụ của cơ quan công quyền”³, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh Bình

¹ Báo cáo số 03-BC/BCĐ ngày 07/9/2023 sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC giai đoạn 2020 – 2025.

² Thông báo số 07-TB/BCĐ ngày 12/9/2023 về ý kiến kết luận của Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn, Trưởng ban Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC giai đoạn 2020 – 2025 tại Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ.

³ Văn bản số 216/TB-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại hội nghị đánh giá KT-XH 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023.

Định với gần 500 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tại hội nghị, lãnh đạo UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành chức năng phải đổi mới tư duy, cách làm, phải hành động quyết liệt tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong chỉ đạo điều hành phục vụ người dân và doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp phát triển. Quan điểm của tỉnh là chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp, thành công của doanh nghiệp cũng là thành công của chính quyền; tỉnh xác định sẽ chuyển từ chính quyền hành chính sang chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp; thực hiện công khai, minh bạch, công bằng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và nhất quán trong mọi công việc, tránh kiểu “tư duy nhiệm kỳ”⁴. Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương chấp hành, thực hiện nghiêm chỉ đạo, điều hành của cấp trên, không đùn đẩy, né tránh để kéo dài công việc, làm lỡ thời cơ, cơ hội để tháo gỡ, hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, gây lãng phí nguồn lực⁵; tiếp tục đổi mới, thay đổi nhận thức và hành động của cán bộ, công chức các cấp; làm việc phải cụ thể, thực chất; chuyển từ tư duy quản lý sang phục vụ, coi người dân, doanh nghiệp là đối tác và khách hàng của hệ thống dịch vụ công⁶.

UBND tỉnh đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh đề ra⁷, các cấp, các ngành đã có nhiều nỗ lực, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính phù hợp với tình hình thực tiễn và mang lại hiệu quả thiết thực. Để đánh giá công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2023 thực chất khách quan, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát lại các tiêu chí đánh giá Bộ chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của tỉnh bảo đảm phù hợp với quy định của Bộ Nội vụ và thực tế của địa phương theo nguyên tắc: các tiêu chí phải được lượng hóa để đánh giá, đối với các tiêu chí không lượng hóa được thì tiến hành đánh giá qua điều tra xã hội học; cân đối lại điểm số giữa các tiêu chí; nghiên cứu bổ sung điểm thưởng/điểm trừ để đánh giá ghi nhận những cố gắng, nỗ lực hoặc chế sự trì trệ, chậm đổi mới trong công tác cải cách hành chính nhằm đảm bảo phù hợp với đặc thù của các cơ quan, đơn vị, địa phương⁸.

Bên cạnh việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm theo Kế hoạch, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản⁹ chỉ đạo, điều hành, đôn đốc việc thực hiện, rà soát, đánh giá triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính trong 6 tháng cuối năm 2023 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ. Đồng thời, yêu cầu người đứng đầu

⁴ Thông báo số 230/TB-UBND ngày 30/6/2023 về ý kiến kết luận của đồng chí Phạm Anh Tuấn – Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị Đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh Bình Định với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

⁵ Công văn số 5773/UBND-TH ngày 14/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/7/2023 của Chính phủ.

⁶ Thông báo kết luận số 216/TB-UBND ngày 21/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại Hội nghị đánh giá tình hình KT-XH 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023.

⁷ Quyết định số 4510/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh.

⁸ Công văn số 4429/UBND-KSTT ngày 30/6/2023 về việc hoàn thiện nội dung Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

⁹ Công văn số 5319/UBND-KSTT ngày 31/7/2023 về việc rà soát, đánh giá triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách TTHC theo chỉ đạo của Thủ tướng và Bộ Nội vụ; Công văn số 4802/UBND-KSTT ngày 11/7/2023 về việc tham mưu triển khai Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 5529/UBND-KSTT ngày 4/9/2023 về việc triển khai kết luận của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ tại phiên họp thứ 5 ngày 19/7/2023.

các cấp, các ngành nâng cao vai trò, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, tiếp tục đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm tầng nấc, rút ngắn thời gian giải quyết, nâng cao tính minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, công dân và tiết kiệm chi phí xã hội.

2. Triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính

Năm 2023, UBND tỉnh xác định 27 nhiệm vụ trọng tâm trên 6 lĩnh vực cải cách hành chính của tỉnh¹⁰. Tính đến ngày 14/9/2023, đã hoàn thành **15/27 nhiệm vụ** đề ra, các quyết định, kế hoạch của UBND tỉnh ban hành làm cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo tiến độ đảm bảo mục tiêu chung đề ra (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Trong Quý III, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành **40 văn bản** chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ hành chính, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các Nghị quyết của Chính phủ. Việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính đã được UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, tích cực thông qua việc 100% các sở, ngành, địa phương kịp thời ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 với các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể.

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

Trong Quý III năm 2023, Đoàn Kiểm tra công tác cải cách hành chính của tỉnh đã tổ chức kiểm tra (đợt 1) tại 12 đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh¹¹ theo Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023¹². Tổ Kiểm tra công vụ đã tiến hành kiểm tra đợt 3 (từ ngày 14/6/2023 đến ngày 12/9/2023) với 30 lượt/30 cơ quan, đơn vị; tính từ đầu năm đến ngày 12/9/2023, đã tiến hành kiểm tra 03 đợt đối với 88 lượt/87 cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh (đợt 1: 29 lượt/28 cơ quan, đơn vị; đợt 2: 29 lượt/29 cơ quan, đơn vị và đợt 3: 30 lượt/30 cơ quan, đơn vị). Trong các đợt kiểm tra, Tổ Kiểm tra công vụ đã kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý những vi phạm các quy định của Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị 23/CT-UBND ngày 11/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh; Công văn số 2953/UBND-NC ngày 12/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Công điện số 280/CĐ-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo triển khai có hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính dưới nhiều hình thức đa dạng, nội dung phong phú và phù hợp với điều kiện thực tiễn và từng nhóm đối tượng. Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bình Định và các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh, Tài khoản Zalo chính thức (Zalo Official Account) của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chính quyền điện tử Bình Định trong Quý III đã thực hiện

¹⁰ Quyết định số 4510/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh.

¹¹ UBND thị xã Hoài Nhơn, 03 phường: Hoài Hảo, Tam Quan Nam, Hoài Châu; UBND huyện Phù Mỹ, 03 xã: Mỹ Chánh Tây, Mỹ Lợi, Mỹ Thành; và UBND huyện An Lão, 03 xã, thị trấn: An Lão, An Hưng, An Hòa.

¹² Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh.

hơn 100 lượt tin, bài viết, phóng sự tuyên truyền về kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính, chỉ số đo lường sự hài lòng của tổ chức, công dân và kế hoạch nâng cao các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PCI, PAPI, kết quả đạt được của các nội dung thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023.

Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định xây dựng 03 số Tạp chí truyền hình “Pháp luật và Đời sống”; phát hành 5.000 tài liệu hỏi - đáp pháp luật về việc làm, 5.000 cuốn Bản tin Tư pháp; tổ chức viết tin, bài tuyên truyền, phổ biến pháp luật đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp, Trang thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh nhằm tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật mới, liên quan thiết thực đến đời sống hằng ngày của cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Đến nay, UBND tỉnh đã triển khai, cập nhật báo cáo và được Văn phòng Chính phủ phê duyệt hoàn thành đối với **52/154 nhiệm vụ** do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu theo dõi của Văn phòng Chính phủ. Đang tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định đối với 102 nhiệm vụ trong hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):

Công tác xây dựng, ban hành VBQPPL luôn được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo sâu sát; các cơ quan, đơn vị đã kịp thời rà soát các VBQPPL cấp trên và tình hình thực tế của địa phương để tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định nhiều chủ trương, chính sách quan trọng.

Trong quý III năm 2023, trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành 59 văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND; trong đó, HĐND tỉnh ban hành 21 Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành 28 Quyết định; HĐND, UBND cấp huyện ban hành 10 văn bản quy phạm pháp luật; HĐND, UBND cấp xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Các văn bản do HĐND, UBND các cấp ban hành cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý Nhà nước, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, tạo môi trường và hành lang pháp lý đảm bảo cho việc phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho người dân.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, tình hình thi hành pháp luật (THTHPL): Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 về thành lập Đoàn Kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật (THTHPL) năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, Đoàn Kiểm tra, khảo sát đã ban hành Kế hoạch¹³ và tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về theo dõi THTHPL; kiểm tra, khảo sát THTHPL về quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu và THTHPL về lao động, việc làm tại các cơ quan, địa phương¹⁴ theo Kế hoạch.

¹³ Kế hoạch số 40/KH-ĐKTKS ngày 07/8/2023.

¹⁴ Sở Tài chính, UBND các huyện: Tuy Phước, An Lão, Vân Canh, Phù Cát.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL): Quý III năm 2023, đã ban hành Kế hoạch¹⁵, thành lập Đoàn¹⁶ và tổ chức kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại 08 cơ quan, đơn vị, địa phương¹⁷ trong tỉnh; ban hành Báo cáo số 231/BC-HĐPH ngày 03/7/2023 về kết quả hoạt động của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh Bình Định 06 tháng đầu năm 2023, Thông báo số 27/TB-HĐPH ngày 05/7/2023 thông báo kết luận tại Hội nghị sơ kết công tác 06 tháng đầu năm 2023 của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh. Ban hành Báo cáo số 151/BC-UBND ngày 10/8/2023 tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Phối hợp với Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp tổ chức lớp tập huấn nâng cao kiến thức pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2023; tổ chức Hội nghị phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên ở cơ sở trên địa bàn 02 huyện Phù Mỹ và Tây Sơn; đồng thời, cử hơn 14 lượt Báo cáo viên pháp luật tỉnh đang công tác tại Sở thực hiện báo cáo chuyên đề pháp luật theo đề nghị của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL:

+ Công tác tự kiểm tra: thực hiện tự kiểm tra 49 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành. Kết quả, các văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành đều đảm bảo thẩm quyền về hình thức, thẩm quyền về nội dung; căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản cơ bản phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

+ Công tác kiểm tra theo thẩm quyền: đã thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 10/10 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện ban hành. Qua kiểm tra, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung và thẩm quyền.

+ Về công tác rà soát VBQPPL: công tác rà soát được thực hiện thường xuyên, kịp thời và đúng theo quy định của pháp luật. Cụ thể, quý III năm 2023, các sở, ban, ngành đã tiến hành rà soát và tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các VBQPPL để thay thế 16 VBQPPL; sửa đổi, bổ sung 26 VBQPPL.

+ Về công tác hệ thống hóa VBQPPL: thực hiện Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh kỳ 2019 - 2023, trong quý III năm 2023, người làm công tác pháp chế tại các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; công chức phòng chuyên môn thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố đã giúp Thủ trưởng cơ quan tập hợp các văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa do HĐND, UBND cấp tỉnh, huyện ban hành thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình. Công chức Tư pháp - Hộ tịch giúp Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn tập hợp các văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa do

¹⁵ Kế hoạch số 81/KH-HĐPH ngày 07/7/2023 của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh.

¹⁶ Quyết định số 80/QĐ-HĐPH ngày 14/7/2023 của Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh.

¹⁷ Sở Xây dựng, Sở Y tế, Liên đoàn Lao động tỉnh, Trường THPT Quốc Học Quy Nhơn, UBND xã Mỹ Hiệp (huyện Phù Mỹ) và UBND huyện Phù Mỹ, UBND xã Hoài Châu Bắc (thị xã Hoài Nhơn) và UBND thị xã Hoài Nhơn.

HĐND, UBND cấp mình ban hành. Trên cơ sở dữ liệu đã tập hợp, các cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm tra lại kết quả rà soát văn bản và rà soát bổ sung, lập danh mục các văn bản theo quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Trong Quý III, Văn phòng UBND tỉnh đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng của công tác kiểm soát TTHC gắn với giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và công tác cải cách TTHC, kết quả đạt được như sau:

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh trong năm 2023¹⁸, trong Quý III năm 2023 có 14 TTHC¹⁹ thuộc phạm vi rà soát, đánh giá. Đến nay, Sở Y tế, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Công Thương, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải²⁰ đã hoàn thành quy trình rà soát, đánh giá và được Chủ tịch UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa 14 thủ tục hành chính. Trong đó:

- + Phương án đơn giản hóa cụ thể: giảm thời gian giải quyết đối với 14 TTHC.
- + Số tiền tiết kiệm được sau khi đơn giản hóa 14 TTHC hơn 44 tỷ đồng/năm.
- + Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được từ 4 % đến 42,3%.

- Về công bố danh mục TTHC: tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 30 Quyết định công bố Danh mục với 190 TTHC (trong đó ban hành mới 12 TTHC; sửa đổi, bổ sung 139 TTHC; thay thế 02 TTHC; bãi bỏ 37 TTHC), 29 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 54 TTHC liên thông và 34 TTHC không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành; đồng thời, đã thực hiện việc tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Triển khai các nhiệm vụ theo “Đề án thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh” (ban hành theo Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh). Theo đó, đã thực hiện chuyển giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung

¹⁸ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

¹⁹ Gồm có: Sở Y tế (01 TTHC), Sở Văn hóa và Thể thao (01 TTHC), Sở Du lịch (01 TTHC), Sở Công Thương (01 TTHC), Sở Nội vụ (01 TTHC), Sở Tư pháp (03 TTHC), Sở Khoa học và công nghệ (01 TTHC), Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (03 TTHC), Sở Giáo dục và Đào tạo (01 TTHC), Sở Giao thông vận tải (01 TTHC).

²⁰ 05 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa TTHC gồm (Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 07/3/2023; Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 08/3/2023, Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 14/3/2023, Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 20/3/2023, Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 26/5/2023).

tâm Phục vụ hành chính công tỉnh cho Bưu điện tỉnh Bình Định thực hiện kể từ ngày 05/9/2023.

+ Ban hành văn bản²¹ đề nghị các cơ quan có liên quan tham gia góp ý dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung 04 Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về thủ tục hành chính²².

+ Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản²³ triển khai các nhiệm vụ về đẩy mạnh cải cách TTHC trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ để giảm bớt số lượng TTHC hiện hành, góp phần đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa TTHC trên lĩnh vực Đầu tư; từ đó tạo điều kiện giúp người dân, doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc tra cứu, tìm hiểu thông tin để nộp hồ sơ thủ tục hành chính, đồng thời phục vụ tốt nhất cho công tác quản lý, điều hành ở địa phương. Bên cạnh đó, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản²⁴ đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ xem xét, cắt giảm theo hướng nhóm gộp 48 TTHC trong lĩnh vực “Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp” thành 07 TTHC tương ứng với 07 quy trình điện tử hiện đang được thiết lập trên “Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận và phúc đáp tại Công văn số 7651/BKHĐT-ĐKKD ngày 18/09/2023.

+ Trên cơ sở văn bản của UBND tỉnh²⁵, đã đề nghị các cơ quan, đơn vị rà soát, thực hiện tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC (trong Quý III năm 2023, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã thực hiện tái cấu trúc 29 quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của đơn vị).

+ Để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08/7/2023 của Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Công văn số 5197/VPCP-KSTT ngày 12/7/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc chính thức triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến 02 nhóm TTHC liên thông thiết yếu của Đề án 06, bao gồm: (i) “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi” và (ii) “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng” (sau đây gọi tắt là “02 nhóm thủ tục liên thông khai sinh, khai tử”) trên địa bàn tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản²⁶ yêu cầu các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến 02 nhóm TTHC liên thông thiết yếu của Đề án 06. Theo Báo cáo số

²¹ Công văn số 579/VPUBND-KSTT ngày 31/8/2023 của Văn phòng UBND tỉnh.

²² (i) Quyết định số 63/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định việc tổ chức thu phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ khác trong giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; (ii) Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh; (iii) Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh và (iv) Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh.

²³ Công văn số 3681/UBND-KSTT ngày 07/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

²⁴ Công văn số 4578/UBND-KSTT ngày 04/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh kiến nghị đơn giản hóa, cắt giảm TTHC cấp tỉnh thuộc lĩnh vực “Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp”.

²⁵ Công văn số 2468/UBND-KSTT ngày 21/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

²⁶ Công văn số 5177/UBND-KSTT ngày 25/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

6077/BC-TCTTKĐA ngày 22/8/2023 của Tổ công tác Đề án 06 của Chính phủ về kết quả triển khai 02 nhóm dịch vụ công liên thông trên toàn quốc (từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/8/2023), tỉnh Bình Định nằm trong top 10 địa phương có hồ sơ phát sinh nhiều nhất.

+ Nhằm thay thế việc yêu cầu công dân xuất trình thẻ bảo hiểm y tế và các giấy tờ tùy thân khác khi đi khám, chữa bệnh tại tất cả các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh, tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan chức năng, đơn vị có liên quan để giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Mô hình đáp ứng yêu cầu đầy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục khám, chữa bệnh một cách thực chất, hiệu quả để phục vụ người dân gắn với nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí hành chính của các cơ quan Nhà nước và chi phí hoạt động các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch²⁷ triển khai Mô hình “khám chữa bệnh sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID tại các cơ sở khám chữa bệnh” trên địa bàn tỉnh.

- **Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC:** UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt, chấn chỉnh việc giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; trong đó có giải pháp định kỳ hằng tháng công khai danh sách tổ chức, cá nhân giải quyết chậm/muộn hồ sơ TTHC kể từ tháng 4/2022²⁸. Đến nay, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt 99,9% tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước.

Kết quả thực hiện (từ ngày 15/6/2023 đến hết ngày 14/9/2023), toàn tỉnh đã tiếp nhận 131.013 hồ sơ, giải quyết và trả kết quả đúng và trước hạn 121.695 hồ sơ (đạt tỷ lệ 99,9%), trễ hạn là 119 hồ sơ, đang giải quyết 9.199 hồ sơ.

- **Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:**

+ Nhằm kịp thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động quản lý công tác giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản²⁹ kiến nghị Cục Kiểm soát TTHC tiếp tục quan tâm, xem xét một số kiến nghị, đề xuất liên quan đến 05 nhóm vấn đề của Công Dịch vụ công quốc gia, bao gồm: (i) Kết quả đánh giá “Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp” của tỉnh Bình Định, (ii) Dịch vụ đăng ký/đăng nhập bằng tài khoản VNConnect, (iii) Thanh toán trực tuyến qua nền tảng Payment Platform, (iv) Chứng thực điện tử và (v) Số hóa thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết TTHC trước đó.

+ UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và văn bản triển khai, hướng dẫn công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. Việc triển khai công tác số hóa hồ sơ TTHC tại các sở, ngành, địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực. Kết quả thực hiện trong Quý III năm 2023 như sau:

²⁷ Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Mô hình “khám chữa bệnh sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID tại các cơ sở khám chữa bệnh” trên địa bàn tỉnh.

²⁸ Công văn số 2206/UBND-KSTT ngày 26/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

²⁹ Công văn số 543/VPUBND-KSTT ngày 17/8/2023 của Văn phòng UBND tỉnh.

Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ bình quân của cả tỉnh đạt 75,53%, trong đó cấp tỉnh đạt 90,8%, cấp huyện đạt 70,10%, cấp xã đạt 65,7%.

Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử bình quân của cả tỉnh đạt 57,3%, trong đó cấp tỉnh đạt 54,3%, cấp huyện đạt 48,7%, cấp xã đạt 69%.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: trong Quý III, đã tiếp nhận 54 phản ánh, kiến nghị gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, qua đó xử lý, chuyển cơ quan chức năng trả lời và công khai theo đúng quy định (trong đó, có 48 phản ánh, kiến nghị đã xử lý và 06 phản ánh, kiến nghị đang trong hạn xử lý).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của của **05 đơn vị**, gồm: Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Định; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Bình Định thuộc Sở Y tế; Thư viện tỉnh thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; Trung tâm xúc tiến du lịch Bình Định thuộc Sở Du lịch. Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của **19/20 cơ quan** chuyên môn (Thanh tra tỉnh chưa ban hành vì chờ hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ) và **01** tổ chức hành chính khác (Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) theo quy định hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

Hoàn thiện Danh mục các cơ quan, tổ chức hành chính, sự nghiệp phục vụ định danh theo Đề án 06 của Chính phủ và theo yêu cầu của Bộ Nội vụ. Theo đó, tiến hành cập nhật thông tin lên phần mềm trên cơ sở dữ liệu nền hoàn thành đảm bảo tiến độ. Với tổng số cơ quan, đơn vị rà soát cập nhật là 1.303 cơ quan, đơn vị (trong đó có 510 cơ quan hành chính, 793 đơn vị sự nghiệp công lập).

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý, sử dụng biên chế của tỉnh giai đoạn 2022 - 2026 và Quyết định giao biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2023. Tổng số biên chế công chức là **2.187** (giảm 18 biên chế so với năm 2022). Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là **25.938 người** (giảm 541 người so với năm 2022). Triển khai thực hiện Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế: đến nay, tỉnh đã thực hiện tinh giản **268** biên chế công chức so với biên chế được giao năm 2015 (2.455 biên chế), tỷ lệ 10,92%; giảm 4.090 người so với số được giao năm 2015 (30.028 người làm việc), tỷ lệ 13,62%; triển khai thực hiện Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

Báo cáo Bộ Nội vụ kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế 06 tháng cuối năm 2022 đối với 32 cán bộ, công chức, viên chức³⁰ với tổng kinh phí thực hiện là 4.695.925.502 đồng; kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế 6 tháng đầu năm 2023 đối với 19 công chức, viên chức đủ điều kiện với tổng kinh phí thực hiện: 3.395.514.000 đồng; nhu cầu biên chế giáo viên năm học 2023 - 2024 của tỉnh Bình Định; về ngành, nghề đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước³¹. Kế hoạch xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa UBND tỉnh với các sở, ngành và UBND cấp huyện nhằm đảm bảo sự quản lý thống nhất, phát huy được tính chủ động, trách nhiệm và tinh thần sáng tạo của các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương, khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm; đồng thời qua đó nâng cao trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn kiểm tra, thanh tra trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân cấp góp phần thực hiện tốt việc cải cách hành chính và hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - chính trị trên địa bàn tỉnh.

4. Về cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: triển khai thực hiện các Thông tư số: 11/2022/TT-BNV và 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022, Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ; hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập và hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển): thực hiện công tác tuyển dụng công chức đúng quy định của pháp luật. Đã thực hiện tuyển dụng công chức không qua thi tuyển đối với 11 trường hợp (tuyển dụng thông qua kiểm tra, sát hạch: 05 trường hợp; tiếp nhận để bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý: 05 trường hợp; đã từng là công chức: 01 trường hợp).

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: tham mưu trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh các nội dung về công tác cán bộ, bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Ưu tiên lựa chọn, bố trí cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý, đến nay đã bố trí 13/20³² (tỷ lệ 65%) cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có cán bộ lãnh đạo là nữ. Căn cứ vào kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý theo

³⁰32 người gồm: 13 cán bộ, công chức (chính sách về hưu trước tuổi: 09 người; chính sách thôi việc ngay: 04 người); 19 viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập (chính sách về hưu trước tuổi: 18 người; chính sách thôi việc ngay: 01 người).

³¹ Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh.

³² Các Sở: Nội vụ, Ngoại vụ, Tư pháp, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Y tế và Thanh tra tỉnh.

thẩm quyền, cụ thể: bổ nhiệm 05 Phó Giám đốc Sở và tương đương³³; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với 02 Giám đốc Sở và tương đương³⁴; bổ nhiệm lại 02 Phó Giám đốc Sở và tương đương³⁵; bổ nhiệm lại Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định; thống nhất nhân sự bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn.

Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020 - 2025 và nhiệm kỳ 2026 - 2031: Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định phê duyệt đối với 35 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý (*nhiệm kỳ 2020 - 2025 là 15 lượt và nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 20 lượt*); Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã quyết định phê duyệt đối với 139 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý (*nhiệm kỳ 2020 - 2025 là 37 lượt và nhiệm kỳ 2025 - 2030 là 102 lượt*).

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: UBND tỉnh ban hành Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 05/4/2023 xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Lưu trữ viên trung cấp lên Lưu trữ viên tỉnh Bình Định năm 2023; Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 18/5/2023 tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức lên chuyên viên và tương đương của tỉnh Bình Định năm 2023; Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 18/5/2023 tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức lên chuyên viên chính và tương đương của tỉnh Bình Định năm 2023. Dự kiến sẽ tổ chức thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023 vào đầu tháng 10.

UBND tỉnh cử 05 cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên cao cấp năm 2023.

- Thực hiện chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức: tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh thực hiện các quy định về chế độ chính sách và tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý kịp thời, đúng quy định. Đến nay, đã trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định nâng lương thường xuyên 09 người; nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích 05 người; nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung 02 người; nâng phụ cấp thâm niên nghề 01 người. Thực hiện quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với 03 người³⁶.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023³⁷, đã mở 06 lớp đào tạo, bồi dưỡng đối với 483 cán bộ, công chức, viên chức³⁸; triển khai các điều kiện để tổ chức các lớp

³³ Ông Huỳnh Ngọc Hoàng, Phó Giám đốc Sở Xây dựng; ông Phạm Văn Thành, Phó Giám đốc Sở Tài chính; ông Lê Huy Vũ, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh; ông Ngô Anh Tuấn, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh; ông Hồ Quang Trung, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.

³⁴ Bổ nhiệm lại ông Đào Văn Khôi, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; kéo dài thời gian giữ chức vụ ông Ngô Văn Tổng, Giám đốc Sở Công Thương.

³⁵ Bà Châu Thị Hương Lan, Phó Giám đốc Sở Tư pháp; ông Phan Viết Hùng, Phó Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

³⁶ Ông Trương Đình Hy, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, ông Phạm Đình Tòng, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, bà Lê Thị Diễm, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

³⁷ Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 14/02/2023; Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh.

³⁸ 01 lớp lãnh đạo cấp sở 58 người, 03 lớp lãnh đạo cấp phòng 243 người, 02 lớp chuyên chuyên chính 182 người.

bồi dưỡng công chức Tư pháp - Hộ tịch, quản lý nguồn nhân lực, Kế toán viên (trong tháng 9/2023).

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương: UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, kiên quyết xử lý theo quy định những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi những nhiều, tiêu cực, tự ý đặt ra TTHC không đúng quy định hoặc để chậm, muộn hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, vi phạm đạo đức công vụ.

UBND tỉnh ban hành Công văn số 982/UBND-NC ngày 28/02/2023 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức³⁹. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác: có 39/39 cơ quan, đơn vị, địa phương (28/28 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; 11/11 UBND cấp huyện) ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức với 404 vị trí công tác trong năm 2023, đã có 289 cán bộ, công chức, viên chức/28 cơ quan, đơn vị, địa phương⁴⁰ thực hiện chuyển đổi vị trí công tác.

- Tình hình cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức: đến nay, 100% hồ sơ (31.606 cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Định) được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo dữ liệu “**Đúng - Đủ - Sạch - Sống**”.

5. Về cải cách tài chính công

Trong 08 tháng đầu năm 2023, căn cứ vào dự toán đã được HĐND các cấp thông qua, các cơ quan tài chính đã tiến hành nhập dự toán kinh phí cho các đơn vị trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách nhà nước và kho bạc (TABMIS), thực hiện thẩm tra dự toán theo quy định để đảm bảo đủ điều kiện chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời tiết kiệm, ngăn ngừa hành vi tham nhũng, lãng phí. Bên cạnh đó, các cấp chính quyền đã linh hoạt, chủ động điều hành ngân sách cấp mình để xử lý kịp thời khi có những nhiệm vụ đột xuất, bức xúc liên quan đến nhiệm vụ của địa phương.

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

+ Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn tính đến ngày 07/9/2023 (chưa kể thu vay, huy động đóng góp, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương) thực hiện 7.245.729 triệu đồng, đạt 53,1% so với dự toán, bằng 59,4% so cùng kỳ năm 2022. Trong đó, thu nội địa thực hiện 6.839.918 triệu đồng, đạt 54,5% dự toán năm, bằng 59,7% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu cổ tức lợi nhuận được chia, lợi nhuận để lại và thu xổ số kiến thiết, thu nội địa thực hiện 4.209.978 triệu đồng, đạt 60,8% dự toán năm (chưa đạt mức bình quân phải thu 08 tháng so với dự toán năm, phải thu 66,7% so với dự toán năm), bằng 84,7% so cùng kỳ năm 2022.

³⁹ Công văn số 982/UBND-NC ngày 28/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴⁰ 22 sở, ban, ngành và 06 UBND cấp huyện.

Trong cơ cấu nguồn thu, có 10/17 khoản thu thực hiện đạt khá, cao hơn mức bình quân thu 08 tháng so với dự toán năm (phải thu 66,7% so với dự toán năm) và có sự tăng trưởng so với cùng kỳ như: thu từ DNNN địa phương đạt 67,4% dự toán, tăng 23% so với cùng kỳ; thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 66,6% dự toán, bằng 88,2% so với cùng kỳ; thuế thu nhập cá nhân đạt 95,1% dự toán, bằng 67,7% so với cùng kỳ; thu phí và lệ phí đạt 74% dự toán, bằng 85,5% so với cùng kỳ; thu tại xã tăng 32,2% dự toán, tăng 36,1% so với cùng kỳ; thu khác đạt 72% dự toán, bằng 81,6% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 80,5% dự toán, bằng 98% so với cùng kỳ.

+ Tổng chi ngân sách địa phương tính đến ngày 07/9/2023 thực hiện 10.529.340 triệu đồng, đạt 43,8% so với dự toán, bằng 79,1% so với cùng kỳ. Trong đó, chi ngân sách tỉnh 6.023.190 triệu đồng, đạt 55,6% dự toán năm và chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố (kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn) 5.609.178 triệu đồng, đạt 42,4% dự toán năm. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 2.979.027 triệu đồng, đạt 25,6% dự toán năm và bằng 63,8% so với cùng kỳ. Chi thường xuyên: thực hiện 5.766.391 triệu đồng, đạt 66,7% dự toán năm và bằng 89,8% so với cùng kỳ.

+ Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công: Kế hoạch vốn năm 2023 (tính đến ngày 06/9/2023): 18.769.462 triệu đồng và đã thanh toán 9.301.292 triệu đồng, đạt 49,56% so với kế hoạch.

- **Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:** UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Tiếp tục thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu Phần mềm Quản lý tài sản công. Đã thẩm định 02 Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê (của Bệnh viện Mắt thuộc Sở Y tế, Trung tâm Văn hóa tỉnh thuộc Sở Văn hóa và Thể thao). Bán đấu giá thành công cơ sở nhà, đất tại địa chỉ 01 Lê Lai, thành phố Quy Nhơn với số tiền nộp vào ngân sách nhà nước 10.006.752.000 đồng; đang thực hiện các thủ tục để bán đấu giá 02 cơ sở nhà, đất (35 Quang Trung, thị trấn Phú Phong và 83 Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn).

- **Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập:** đã thẩm tra Phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế xã hội (riêng giai đoạn 2022 - 2025 là 4 năm); dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và đề xuất phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để trình UBND tỉnh giao cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Tính đến thời điểm báo cáo, có tổng cộng 126/135 đơn vị khối tỉnh được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ⁴¹.

⁴¹ 08 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 17 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 83 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 27 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- **Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số:** UBND tỉnh ban hành Kế hoạch, đồng thời chuẩn bị các điều kiện tổ chức Hội thảo Hợp tác phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam lần thứ XXIV tại Bình Định, với chủ đề “*Dữ liệu số và các nền tảng hỗ trợ ra quyết định*” nhằm xây dựng mối liên kết và hợp tác giữa các tỉnh/thành, các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực CNTT-TT tạo sự thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT-TT phục vụ phát triển kinh tế xã hội và Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh với chủ đề “*Khai thác dữ liệu số để tạo ra giá trị*”.

- **Về triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương:** tiếp tục thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định (XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, nhằm nâng cao nhận thức của người dân, toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số; thúc đẩy sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số; đồng thời tổ chức các hoạt động Tháng tiêu dùng số.

Tổ chức khảo sát, đánh giá về hiện trạng và tình hình đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã để báo cáo tăng cường giải pháp đảm bảo “hạ tầng công nghệ thông tin cơ bản” tại cấp huyện, cấp xã để triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số và Đề án 06 tại địa phương. Cung cấp nhu cầu kết nối các API của Hệ thống theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ của các Sở Thông tin và Truyền thông theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông; xây dựng hệ thống QR-Code hỗ trợ thuyết minh tiếng Việt và tiếng Anh tại một số điểm văn hóa – lịch sử trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai các giải pháp, nhiệm vụ đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khoá XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khoá XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025.

Tiếp tục tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức năm 2023 với nội dung đào tạo chuyên sâu về ứng dụng công nghệ thông tin trong chính quyền số, đô thị thông minh cho đối tượng công chức phụ trách công nghệ thông tin thuộc các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- **Kết quả xây dựng và phát triển dữ liệu:** làm việc với Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin - Ban Cơ yếu Chính phủ trong công tác triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Định, từng bước

hiện đại hóa hành chính tiến tới một chính quyền hiện đại, không giấy tờ, nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan Nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh và phục vụ doanh nghiệp và người dân ngày càng hiệu quả, giảm thiểu nhân lực để thực hiện nghiệp vụ, giảm chi phí văn phòng phẩm, dễ sử dụng, dễ bảo quản thúc đẩy chuyển đổi số của tỉnh Bình Định.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng dịch vụ người dân, doanh nghiệp: tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh, gắn với thực hiện nhiệm vụ: “Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp (SXNN) lên sàn thương mại điện tử (TMĐT), thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn”. Tổ chức thêm 03 lớp tập huấn cho 70 hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh (tổng số lớp đã tổ chức: 05 lớp tập huấn cho 130 hộ sản xuất nông nghiệp, 180 Tổ công nghệ số cộng đồng).

Đến nay, toàn tỉnh có 586 hộ SXNN đáp ứng điều kiện, đã hỗ trợ cho 424 hộ SXNN và đưa 562 sản phẩm lên sàn TMĐT, đạt tỷ lệ 72,4%. Tổng số sản phẩm OCOP trên toàn tỉnh là 218 sản phẩm, đến nay đã đưa 149 sản phẩm OCOP lên sàn, 69 sản phẩm còn lại thuộc dạng lỏng, động vật tươi sống nên không đủ điều kiện đưa lên sàn; trong đó, Chi nhánh Viettel Bình Định đã đưa 60 sản phẩm OCOP lên sàn Voso.vn, Bưu điện tỉnh đã đưa 149 sản phẩm OCOP lên sàn Postmart.vn.

Phối hợp Tỉnh đoàn Bình Định tổ chức các hoạt động về thúc đẩy triển khai chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, qua đó đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho Đoàn viên, Thanh niên ra quân hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các nền tảng số như: sử dụng dịch vụ công trực tuyến; thanh toán không dùng tiền mặt (Viettel Money, VNPT Money); mua bán trên sàn TMĐT Postmart; dịch vụ phản ánh hiện trường trên Hệ thống giám sát và điều hành Đô thị thông minh tỉnh.

- Về an toàn thông tin mạng: thực hiện công tác bồi dưỡng, trang bị, bổ sung những thông tin, nâng cao kiến thức về an ninh mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan nhà nước sử dụng các phần mềm dùng chung, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức 16 lớp tập huấn về an toàn thông tin. Thông qua tập huấn, đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan được cập nhật, trang bị kiến thức về các chuyên đề: tình hình an toàn thông tin mạng tại Việt Nam; kỹ năng thiết lập máy tính an toàn; bảo mật và kỹ năng phòng chống mã độc; kỹ năng nhận biết, phòng chống thư rác, giả mạo; an toàn thông tin khi sử dụng mạng không dây công cộng; hướng dẫn sử dụng mạng xã hội an toàn; hướng dẫn sử dụng thanh toán điện tử và thực hành trắc nghiệm... giúp nâng cao nhận thức, trách nhiệm và kiến thức kỹ năng cụ thể đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc một cách có hiệu quả.

Tổ chức thu thập thông tin, số liệu để đề xuất tổng thể các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, đồng thời hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh xác định và thực hiện bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ; thực hiện nhiệm vụ

cơ quan thường trực của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh thông qua việc tạo tài khoản và phân quyền sử dụng nền tảng để hỗ trợ điều phối, ứng cứu xử lý sự cố cho các thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh; thông báo đến các thành viên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh biết, tích cực sử dụng và khai thác nền tảng.

- **Lĩnh vực Công nghiệp ICT:** phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Tin học Việt Nam xúc tiến, tổ chức Hội thảo Hợp tác phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam lần thứ XXIV tại Bình Định, với chủ đề “*Dữ liệu số và các nền tảng hỗ trợ ra quyết định*”, thu hút 20 Doanh nghiệp công nghệ với hơn 30 gian hàng trưng bày sản phẩm về công nghệ nổi bật và 1000 đại biểu tham gia.

- *Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến:*

+ UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh; chú trọng việc kết nối liên thông phần mềm một cửa điện tử của tỉnh với các phần mềm chuyên ngành của Trung ương phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần. Trong Quý III năm 2023 có 54.437 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, tăng 22.842 hồ sơ so với cùng kỳ năm trước.

+ UBND tỉnh ban hành văn bản⁴² đề nghị Trường Đại học Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn, Trường Cao đẳng Y tế Bình Định, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định và Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định khẩn trương phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh⁴³ thực hiện các công việc còn lại đảm bảo chính thức triển khai cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến các khoản tiền phí phải thu của đơn vị trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh ngay trong tháng 9 năm 2023. Đồng thời, triển khai thực hiện các công việc cần thiết đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến tiền viện phí của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn và Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh trong tháng 10 năm 2023.

+ Triển khai thí điểm “Dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính” trên Hệ thống VNPT iGate; theo đó, triển khai, chỉ đạo Phòng Tư pháp cấp huyện (Quy Nhơn, Hoài Nhơn, Vân Canh) và UBND cấp xã trên địa bàn sử dụng “Hệ thống VNPT-iGate” để tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả đối với 100% trường hợp hồ sơ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính (thay cho việc sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia như hiện nay) kể từ ngày 25/8/2023 đến ngày 25/9/2023⁴⁴.

+ UBND tỉnh ban hành Quyết định⁴⁵ bổ sung 59 TTHC thực hiện thí điểm chỉ tiếp nhận hồ sơ bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đồng thời, tiếp tục có văn bản⁴⁶ giao các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành rà soát,

⁴² Công văn số 6061/UBND-KSTT ngày 23/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ.

⁴³ Công văn số 574/VPUBND-KSTT ngày 30/8/2023 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phối hợp hoàn thành việc cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh.

⁴⁴ Công văn số 522/VPUBND-KSTT ngày 10/8/2023 của Văn phòng UBND tỉnh.

⁴⁵ Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴⁶ Công văn số 449/VPUBND-KSTT ngày 14/7/2023 của Văn phòng UBND tỉnh.

đánh giá về điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần của các TTHC hiện hành nhằm đảm bảo việc thực hiện được thực chất, hiệu quả. Phối hợp, đề nghị⁴⁷ VNPT Bình Định, Viettel Bình Định thực hiện hiệu quả chính sách miễn phí việc cung cấp và sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân để thực hiện dịch vụ công trực tuyến nhằm ngày càng thu hút đông đảo người dân tham gia, tiến tới phổ cập việc sử dụng chữ ký số trong lâu dài trước khi xem xét đến vấn đề thu phí sử dụng dịch vụ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác cải cách hành chính tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng hàng đầu trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh luôn tập trung giải quyết những vấn đề có tính cốt lõi cũng như tiếp tục tháo gỡ những vấn đề cấp bách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

- Trong các Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội định kỳ hàng tháng, UBND tỉnh đã tiến hành đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, tập trung trên một số nội dung: tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ngành, địa phương; tình hình giải quyết hồ sơ TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ TTHC, khai thác cơ sở dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC. Qua đó giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

2. Một số hạn chế và khó khăn, vướng mắc

- Tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa cao; vẫn còn nhiều phản ánh về việc trễ hẹn, phiền hà trong giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực thuế, đất đai, đầu tư, xây dựng...;

- Việc thực hiện chuyển đổi số chưa thực sự đồng bộ trên các lĩnh vực. Công tác thông tin, truyền thông về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh chưa đúng theo kế hoạch đề ra.

- Một số tính năng, chức năng của Hệ thống thông tin một cửa điện tử và Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh chưa đáp ứng theo quy định, chưa phát huy tối đa hiệu quả trong quá trình thực hiện.

- Việc số hóa thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước đó phục vụ cho việc tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính chưa thể hiện rõ cơ quan nào có thẩm quyền số hóa (cơ quan tiếp nhận hồ sơ hay cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trước đó) từ văn bản giấy sang văn bản điện

⁴⁷ Công văn số 431/VPUBND-KSTT ngày 06/7/2023 và Công văn số 473/VPUBND-KSTT ngày 24/7/2023 của Văn phòng UBND tỉnh.

từ theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ, do đó địa phương gặp nhiều lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Hiện nay, một số TTHC của ngành Giao thông vận tải thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên các Hệ thống thông tin do Bộ Giao thông vận tải quản lý. Tuy nhiên, Hệ thống chưa chia sẻ dữ liệu đầy đủ để đáp ứng công tác quản lý, thống kê báo cáo số liệu của địa phương; đồng thời chưa đồng bộ đầy đủ dữ liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, ảnh hưởng đến kết quả của tỉnh theo “Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp”, cụ thể các phần mềm chuyên ngành giải quyết TTHC: (i) cấp mới, cấp đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp, chưa cung cấp API chia sẻ dữ liệu với địa phương; (ii) cấp, đổi giấy phép kinh doanh vận tải; cấp, đổi biển hiệu, phù hiệu xe ô tô, đã cung cấp API chia sẻ dữ liệu tình hình xử lý hồ sơ (số lượng hồ sơ được tiếp nhận, chưa giải quyết, giải quyết đúng hạn, trễ hạn của hồ sơ), nhưng chưa chia sẻ các thông tin như: số hóa hồ sơ, khai thác thông tin từ CSDL quốc gia về dân cư, ...

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Chỉ đạo các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ, Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023. Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) năm 2023.

2. Thường xuyên tổ chức Hội nghị đối thoại của Chủ tịch UBND tỉnh với doanh nghiệp, nhằm đồng hành, lắng nghe, trao đổi, hỗ trợ các doanh nghiệp, kịp thời giải quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

3. Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; thực hiện có hiệu quả Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh”.

4. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII) và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) “*về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*”; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Kết luận số 50-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

5. Hoàn thiện đề án vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành, vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của viên chức theo các thông tư hướng dẫn của Bộ ngành và theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ; đẩy mạnh thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn, hoạt động hiệu quả gắn với tinh giản số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước; nghiên cứu, thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp.

6. Tập trung mở lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã đáp ứng yêu cầu thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số theo Kế hoạch đề ra.

7. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động công vụ đối với các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với cấp xã (kiểm tra việc chấp hành thời gian làm việc, xử lý công việc hằng ngày, văn hóa ứng xử của cán bộ, công chức với người dân; việc tuân thủ các quy định, quy chế, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu ...).

8. Tiếp tục hoàn thiện, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Cổng Dịch vụ công quốc gia và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu, nền tảng ứng dụng dùng chung của tỉnh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước và chất lượng cung ứng dịch vụ công cho người dân, tổ chức trên môi trường số...

9. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để phục vụ tốt hơn cho người dùng, nhất là tái cấu trúc quy trình đối với các dịch vụ công trực tuyến theo hướng: không yêu cầu người dân, doanh nghiệp phải cung cấp lại những thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dữ liệu đã được số hóa, chia sẻ.

10. Đưa TTHC của các cơ quan Trung ương vào tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp sau khi Văn phòng Chính phủ tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kính đề nghị các Bộ, ngành Trung ương liên quan sớm ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ; vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ.

2. Kính đề nghị Bộ, ngành Trung ương xem xét việc đánh giá TTHC đủ điều kiện cung cấp DVCTT toàn trình, một phần ngay trong quyết định công bố TTHC để địa phương căn cứ tổ chức thực hiện đảm bảo đồng bộ, thống

nhất. Vì hiện nay, các tỉnh, thành phố có cách hiểu, cách đánh giá khác nhau đối với các TTHC đủ điều kiện cung cấp DVCTT toàn trình, một phần, dẫn đến số lượng dịch vụ công ở các địa phương cấp tỉnh có sự chênh lệch về mặt số lượng, nhất là đối với Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

3. Kiến nghị Bộ Nội vụ sớm xây dựng Đề án đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập trong đó cần xây dựng cụ thể danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập thống nhất trong cả nước để địa phương thực hiện.

4. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải sớm cung cấp API của các phần mềm chuyên ngành thực hiện các TTHC cấp mới, cấp đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp, nâng cấp API đối với TTHC cấp, đổi giấy phép kinh doanh vận tải; cấp, đổi biển hiệu, phù hiệu xe ô tô theo Thông tư số 18/2019/TT-BTTTT ngày 25/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông để địa phương kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý, theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện.

5. Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông sớm ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong việc thuê doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, giấy tờ, trả kết quả giải quyết TTHC để địa phương có cơ sở thực hiện.

6. Kiến nghị Văn phòng Chính phủ giải thích rõ hơn cơ quan có thẩm quyền số hóa thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết thủ tục hành chính do cơ quan khác ban hành (cơ quan tiếp nhận hồ sơ hay cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trước đó) từ văn bản giấy sang văn bản điện tử theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ.

UBND tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ xem xét tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Cục Chuyển đổi số quốc gia;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục I
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / / 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	40	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	55.55	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	27	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	15	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	4	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	4	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	154	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	52	Đang tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định đối với 102 nhiệm vụ trong hạn
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	-	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	-	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	-	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL⁴⁸ do địa phương ban hành	Văn bản	59	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	49	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	10	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	10	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	42	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	42	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	42	

⁴⁸ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	14	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	25	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	38	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.048	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	1.546	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	344	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	158	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	289	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	143	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	-	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,95%	(3.1.2)/(3.1.1)
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	24.898	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	24.885	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,81%	(3.2.2)/(3.2.1)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	36.723	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	36.653	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,93%	(3.3.2)/(3.3.1)
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	60.426	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	60.385	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	54	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	48	Còn 06 PAKN đang giải quyết còn trong hạn

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	-	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	721	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	07	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	112	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	602	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	17,41	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.187	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2.041	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	-	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	07	Thực hiện chế độ tinh giản
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	25.938	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	24.285	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	29	Thực hiện chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				sách tính giản
3.4.	Tỷ lệ % đã tính giản so với năm 2015	%	14	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	22/22	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	721/721	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	9	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	2	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	188	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	-	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		-	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	-	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	-	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	-	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	49,56%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	18.769.462	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	9.301.292	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	737	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	8	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	38	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	198	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	9	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	32	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	157	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	493	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	557	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	557	DVCTT
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	151	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	868	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	868	DVCTT
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	153	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	97,47%	(1.6.2/ 1.6.1)
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.425	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.389	DVCQG
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ	%	49,06%	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>			
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	46.094	
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	22.614	
6.8.	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	<i>%</i>	100%	
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	551	<i>DVCQG</i>
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	551	

Phụ lục II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ III NĂM 2023
TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH		
1	Tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2022 và triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tỉnh năm 2023	Kế hoạch 24/KH-UBND ngày 20/02/2023 tổ chức Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2022	Sở Nội vụ
1.1	Công bố kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2022	Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 31/02/2023; Quyết định số 4509/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 22/02/2023	Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.2	Khen thưởng tổ chức, cá nhân đạt thành tích trong phong trào thi đua cải cách hành chính năm 2022	Quyết định 599/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	Sở Nội vụ
2	Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025	Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 05/04/2023	Sở Nội vụ
3	Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2023	Quyết định 707/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	Sở Nội vụ
4	Kế hoạch truyền thông về cải cách hành chính năm 2023	Tờ trình 19/TTr-STTTT ngày 09/3/2023	Sở Thông tin và Truyền thông

5	Quy định và Bộ Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh phù hợp với Bộ Chỉ số của Bộ Nội vụ và thực tiễn công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh	Đang triển khai: Sở Nội vụ đã trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 469/TTr-SNV ngày 26/7/2023	Sở Nội vụ
6	Kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023	Đang triển khai: Sở Nội vụ đã trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 413/TTr-SNV ngày 28/6/2023	Sở Nội vụ
7	Ban hành “Quy định chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh”	Đang triển khai: Văn phòng UBND tỉnh đã phối hợp với Cục Thống kê tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị tư vấn thiết lập 27 chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh (19 chỉ tiêu được Hội đồng nhân dân tỉnh giao và 08 chỉ tiêu khác); 14 chỉ tiêu kinh tế - xã hội của cấp huyện theo Công văn số 20/UBND-TH ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh
8	Triển khai các hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy năm 2023		
8.1	Kế hoạch sơ kết giữa nhiệm kỳ Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy	Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 12/5/2023 của Ban Chỉ đạo	Sở Nội vụ
8.2	Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy	Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 12/5/2023 của Ban Chỉ đạo	Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ		

9	Ban hành các kế hoạch: Kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2023	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Tư pháp
10	Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Kế hoạch số 329/QĐ-UBND ngày 06/02/2023	Sở Tư pháp
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
11	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2023	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 31/01/2023	Văn phòng UBND tỉnh
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		
12	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.	Quyết định 424/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nội vụ
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ		
13	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030	Kế hoạch số 2106/QĐ-UBND ngày 13/6/2023	Sở Nội vụ
14	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 -2025.	Kế hoạch số 424/QĐ-UBND ngày 17/2/2023	Sở Nội vụ
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		

15	Điều chỉnh Kế hoạch, lộ trình tại Quyết định số 4817/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh phê duyệt thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định hiện hành	Đang triển khai: Sở Tài chính đã trình UBND tỉnh tại Tờ trình 424/TTr-STC ngày 11/9/2023 về việc ban hành Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo	Sở Tài chính
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ		
16	Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025	Kế hoạch số 44/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	Sở Thông tin và Truyền thông
17	Đề án kho dữ liệu dùng chung	Kế hoạch số 44/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	Sở Thông tin và Truyền thông
18	Ban hành danh mục TTHC thực hiện thí điểm chỉ tiếp nhận hồ sơ TTHC bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định	Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	Văn phòng UBND tỉnh
19	Đề án đẩy mạnh chuyển đổi số tại Văn phòng UBND tỉnh nhằm nâng cao công tác phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh	Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	Văn phòng UBND tỉnh